

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 26-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim San
2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 172/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Phú N, sinh năm 1988 tại Hải Phòng;

Nơi cư trú: Thôn 5, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Phú Đức, sinh năm 1959 và bà Đỗ Thị Phòng, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án – chưa được xóa án tích (Bản án số 76 ngày 28/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản – bị cáo chưa thi hành); bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/12/2016 đến ngày 02/01/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Hoàng Phú T, sinh năm 1988 tại Hải Phòng;

Nơi cư trú: Thôn 5, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Phú Q, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/7/2017; có mặt.

3. Lê Trung N1, sinh ngày 28/01/1998 tại Hải Phòng;

Nơi cư trú: Thôn 5, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn A, sinh năm 1975 và bà Đồng Thị O, sinh năm 1979; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hoàng Phú L, sinh năm 1989 tại Hải Phòng;

Nơi cư trú: Thôn 5, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Phú D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966; có vợ là Nguyễn Thị T5, sinh năm 1994; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Hoàng Ngọc M (tên gọi khác: T1), sinh năm 1995 tại Hải Phòng;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã TN2, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn 4, xã TN2, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Công ty Cổ phần BM, trụ sở tại: Số 68 TN4A, thị trấn TN4, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị P – Giám đốc; vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Chị Đồng Thị Thu T2, sinh năm 1990; trú tại: Số 279/283 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thế T3, sinh năm 1987; trú tại: Thôn 6, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Phú B, sinh năm 1985; trú tại: Thôn 5, xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1985; trú tại: Thôn 1, xã TN3, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1996; trú tại: Thôn 4, xã TN2, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1992; trú tại: Thôn 6, xã TN2, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7. Anh Hoàng Văn H2, sinh năm 1987; trú tại: Thôn 6, xã TN2, huyện TN,

thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

8. Anh Phạm Minh H3, sinh năm 1995; trú tại: Thôn Mánh, xã Thủy Đường, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; trú tại: Số 152 TN4B, thị trấn TN4, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h30' ngày 22/10/2016, Hoàng Phú N, Hoàng Phú T, Lê Trung N1, Hoàng Phú L ngồi tại bàn Vip 5 trong quán bar trên tầng 4, Trung tâm thương mại BM ở thị trấn TN4, huyện TN, thành phố Hải Phòng dự sinh nhật chị Đồng Thị Thu T2, sinh năm 1990, trú tại: 279/283 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Trong quán bar lúc này có đông khách, trong đó có Hoàng Văn H, sinh năm 1989, ở thôn 4, xã TN2, huyện TN, thành phố Hải Phòng và Hoàng Ngọc M cùng một số người bạn khác uống bia tại vị trí các bàn đứng trong bar. Trong khi mọi người đang uống bia, H và M đi ra khu vực hành lang ngoài quán bar, thì xảy ra việc xô xát, đánh nhau bằng chân tay với anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1985, trú tại: Thôn 1, xã TN3, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Thấy vậy, N và T đi đến thì cũng bị H đuổi đánh. Bực tức vì bị đánh vô cớ, N chạy đến khu vực quầy thanh toán lấy 01 chày gỗ (loại dùng để đập đá) dài khoảng 30cm định đánh lại H nhưng được mọi người can ngăn nên N và T đi vào trong bar. Lúc này, M đi vào nói: “Thằng nào vừa đánh anh tao thì bước ra đây”, còn H đi đến chỗ N1 ở khu vực trước bàn Vip 4, dùng tay túm cổ áo đâm vào vùng đầu của N1 rồi lấy chiếc xô đựng đá lạnh để đánh nhưng N1 tránh được. Thấy vậy, N chạy đến, cầm chày gỗ trên tay phải giơ lên đập liên tiếp 02 nhát vào vùng đầu H. T lấy phần đầu của bình hút Shisha, dài khoảng 40cm, làm bằng kim loại và thủy tinh ở trên mặt bàn Vip 5 chạy đến đập 02 nhát vào đầu làm H bị ngã gục xuống nền nhà, gần khu vực bàn Vip 4. N1 đi đến dùng chân đạp 01 phát vào lưng H, sau đó đâm đá vào người M. Còn L lấy vỏ lon bia và cốc nhựa trên bàn ở khu vực giữa bar ném về phía H, đồng thời lấy vỏ chai rượu bằng thủy tinh đập 01 nhát vào vùng đầu M. Tiếp đó, L, N1, T, N đuổi đánh M, khi thấy M chạy được xuống tầng dưới của quán bar thì cả nhóm quay lại. N1 đứng ở khu vực cửa thang máy ngoài hành lang còn N, T, L đi vào trong bar. Thấy H đang ngồi nhồm dậy, N đi đến, tay phải cầm chày gỗ vung lên đập 01 nhát vào vùng đầu H rồi vát lại chày gỗ tại khu vực quầy thanh toán, và cùng cả nhóm đi về. H được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Việt Tiệp.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 khúc gỗ (loại chày gỗ dùng để đập đá) có đặc điểm dài 32 cm, màu nâu đen, mặt cắt có thiết diện hình chữ nhật, đoạn gỗ vát dần đều, chỗ rộng nhất là 4 cm, chỗ bé nhất là 3 cm. Đồng thời, thu giữ 01 đoạn bình shisha bằng thủy tinh bị vỡ ở dưới chân bàn trong khu vực giữa bar. Riêng phần đầu bình hút shisha không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 441 ngày 31/10/2016 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận nạn nhân Hoàng Văn H bị các thương tích sau: Vết thương vùng đỉnh đầu dài 03cm; vết thương vùng thái dương đỉnh dài 5,5cm; vết phẫu thuật vùng thái dương đỉnh chằm trái hình vòng cung dài 15cm. Nạn nhân bị vết thương sọ não gây vỡ xương sọ, tổn thương não đã được phẫu thuật mở xương sọ, lấy máu tụ nội sọ, đặt lại xương sọ đang dần ổn định nhưng còn ổ tổn thương não kích thước 1,5cm. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên là 55%. Thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Công văn số 52 ngày 28/4/2017 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng trả lời: 02 vết thương vùng đỉnh đầu dài 03cm và vết thương vùng thái dương đỉnh dài 5,5cm không ở vị trí gây vỡ xương đỉnh trái. Tổn thương vỡ xương đỉnh trái do chấn thương thứ 3 gây nên có đặc điểm do tác động tương hỗ với vật tày có bề mặt tương đối bằng phẳng gây bầm tím dưới da, tổn thương nội sọ và vỡ xương sọ vùng đỉnh trái nhưng không rách da. Chấn thương này nếu không được cấp cứu kịp thời thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng của nạn nhân. Chiếc chày gỗ có thể gây ra được các thương tích trên. Đầu bình shisha có thể gây nên hai vết thương rách da vùng đỉnh và vùng thái dương đỉnh trái, rất khó có thể gây vỡ xương đỉnh trái.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 440 ngày 01/11/2016 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Hoàng Ngọc M bị 04 vết thương phần mềm nhỏ da đầu không tổn thương sọ não. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên là 03%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Sau khi gây án, Hoàng Phú N bỏ trốn. Đến ngày 31/12/2016 N, bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN, thành phố Hải Phòng. Ngày 11/7/2017, Hoàng Phú T bị bắt tạm giam.

Tại bản Cáo trạng số 170/CT-VKS-P2 ngày 17 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Hoàng Phú N, Hoàng Phú T về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; các bị cáo Lê Trung N1, Hoàng Phú L, Hoàng Ngọc M về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Phú N, Lê Trung N1, Hoàng Phú L, Hoàng Ngọc M đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Riêng Hoàng Phú T chỉ thừa nhận khi H bị N đánh ngã nằm dưới nền nhà, T có dùng chân đá vào cằm của H, T không dùng bình shisha đập vào đầu H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18, Điều 20, Điều 33, Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là khoản 2 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015) đối với các bị cáo Hoàng Phú N, Hoàng Phú T. Áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015) đối với bị cáo N.

Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015). Áp dụng thêm Điều 31 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015) đối với bị cáo N1, bị cáo L. Áp dụng thêm Điều 30 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015) đối với bị cáo M.

Xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Phú N: Từ 8 - 9 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 76 ngày 28/9/2016, hình phạt chung cho cả hai bản án là: Từ 9 - 10 năm tù.

- Bị cáo Hoàng Phú T: Từ 5 - 6 năm tù.

- Bị cáo Lê Trung N1: Từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Hoàng Phú L: Từ 9 - 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Hoàng Ngọc M: Phạt tiền từ 5 - 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

+ *Về bồi thường dân sự:*

Áp dụng **Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015**: Buộc các bị cáo N, T phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Văn H khoản tiền tổn thất về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật.

+ *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 khúc gỗ (chày gỗ dùng để đập đá lạnh) có đặc điểm dài 32cm, màu nâu đen, mặt cắt có thiết diện hình chữ nhật, đoạn gỗ vát dần đều, chỗ rộng nhất là 4cm, chỗ bé nhất là 03cm và 01 đoạn bình shisha (thủy tinh) bị vỡ.

Sau phần luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo không tranh luận. Người bị hại là anh Hoàng Văn H xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo phạm tội “Giết người” và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết phần dân sự theo quy định của pháp luật. Phần nói lời sau cùng, các bị cáo đều nhận tội, tỏ ra ân hận xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích hành vi của các bị cáo thông qua 2 nhóm đánh nhau:

Nhóm 1 gồm: Hoàng Phú N, Hoàng Phú T, Lê Trung N1, Hoàng Phú L.

Nhóm 2 gồm: Hoàng Văn H, Hoàng Ngọc M.

Nguyên nhân của sự việc xô xát đánh nhau dẫn đến vụ án này xuất phát từ việc anh Hoàng Văn H say rượu vô cớ đánh N, T, N1 và Hoàng Ngọc M có lời nói thách thức đánh nhau.

Sự việc anh H say rượu đánh mọi người xảy ra vào khoảng gần 24h ngày 22/10/2016 tại khu vực hành lang bên ngoài cửa phòng bar trên tầng 4 Trung tâm thương mại BM ở thị trấn TN4. Lời khai của các bị cáo và những người làm chứng đều xác nhận nhìn thấy H và M đánh nhau bằng chân tay với anh Nguyễn Quốc H1. N và T đứng gần đó cũng bị H đấm 01 phát vào vai N và đuổi đánh T. N lấy 01 chày gỗ dùng để đập đá ở khu vực quầy thanh toán định đánh lại H nhưng được mọi người can ngăn nên N cầm theo chày gỗ cùng T đi vào trong bar.

Sự việc xô xát lẽ ra chấm dứt tại đây nhưng bị cáo M chạy vào trong bar chửi và thách thức: *“Thằng nào vừa đánh anh tao thì bước ra đây”*. Ngay sau câu nói này của bị cáo M, anh H xông vào bar, chạy đến chỗ bị cáo N1 ở khu vực trước bàn Vip 4, dùng tay tóm cổ áo đấm vào vùng đầu của N1 rồi lấy xô đựng đá lạnh đánh N1. Ngoài lời khai của các bị cáo N, T, L, N1, còn có lời khai nhận của chính bị cáo M, những người làm chứng là chị Đồng Thị Thu T2 và anh Nguyễn Thế T3 cũng xác nhận sự việc trên.

Như vậy, có căn cứ xác định: Giữa các bị cáo và người bị hại không có quan hệ hay mâu thuẫn từ trước, sự việc hoàn toàn phát sinh tại quán bar, nguyên nhân do người bị hại có lỗi đã vô cớ tấn công các bị cáo trước.

Do bức tức vì bị anh H vô cớ đánh và sau đó đánh N1 là bạn trong nhóm nên các bị cáo N, T đã thực hiện hành vi tấn công anh H. N chạy đến phía bên trái H, cầm chày gỗ bằng tay phải đập liên tiếp 02 nhát vào vùng đầu H. Còn T lấy đoạn đầu bình hút shisha ở trên mặt bàn Vip 5 chạy đến đập tiếp 02 nhát vào đầu làm H bị ngã gục xuống nền nhà ở gần khu vực bàn Vip 4. Tiếp đó N1 dùng chân đạp 01 phát vào lưng H, còn L ném vỏ lon bia và cốc nhựa về phía H. Bức tức vì trước đó M có lời lẽ chửi, thách thức nên N, T, L, N1 cầm vỏ chai rượu, chày gỗ, đoạn bình shisha đuổi đánh M ra ngoài khu vực hành lang quán bar. Sau đó, N, T, L quay lại

trong bar. N đi đến chỗ anh H đang ngồi nhồm dậy, tay phải cầm chày gỗ đập tiếp 01 nhát vào vùng đầu khiến anh H gục hẳn xuống nền bar bất tỉnh.

Các nhát đánh của hai bị cáo N, T vào vùng đầu anh H đã để lại những dấu vết thương tích được ghi nhận tại Bản Kết luận giám định pháp y số 441 ngày 31/10/2016 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng, gồm có: Vết thương vùng đỉnh đầu dài 03cm; vết thương vùng thái dương đỉnh dài 5,5cm; vết phẫu thuật vùng thái dương đỉnh chằm trái hình vòng cung dài 15cm. Nạn nhân bị vết thương sọ não gây vỡ xương sọ, tổn thương não. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên là 55%.

Để đánh giá tính chất, cơ chế hình thành đối với từng vết thương cụ thể trên cơ thể nạn nhân, Cơ quan điều tra đã có công văn hỏi Cơ quan giám định. Tại Công văn 52 ngày 28/4/2017 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng trả lời: 02 vết thương vùng đỉnh đầu dài 03cm và vết thương vùng thái dương đỉnh dài 5,5cm không ở vị trí gây vỡ xương đỉnh trái. Tổn thương vỡ xương đỉnh trái do chấn thương thứ 3 gây nên có đặc điểm do tác động tương hỗ với vật tày có bề mặt tương đối bằng phẳng gây bầm tím dưới da, tổn thương nội sọ và vỡ xương sọ vùng đỉnh trái nhưng không rách da. Chấn thương này nếu không được cấp cứu kịp thời thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng của nạn nhân. Đồng thời Cơ quan giám định cũng nhận định về hung khí gây án: Chiếc chày gỗ có thể gây ra được các thương tích trên. Đầu bình shisha có thể gây nên hai vết thương rách da vùng đỉnh và vùng thái dương đỉnh trái, rất khó có thể gây vỡ xương đỉnh trái.

Tại phiên tòa riêng bị cáo T không nhận dùng bình shisha đập vào đầu anh H, nhưng công bố các tài liệu như phân tích trên, thì bị cáo công nhận là đúng. Các bị cáo khác đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo Trạng Viện kiểm sát truy tố, thể hiện như sau:

Đêm ngày 22, rạng sáng ngày 23/10/2016, xuất phát từ việc Hoàng Văn H vô cớ đánh N, T, N1 và Hoàng Ngọc M có lời nói thách thức đánh nhau, dẫn đến việc bị cáo N cầm chày gỗ (loại dùng để đập đá lạnh) và bị cáo T cầm phần đầu bình shisha đập nhiều nhát vào đầu anh H, làm anh H bị thương, tổn hại 55% sức khỏe. Bị cáo N1 dùng chân đạp trúng vào lưng H; bị cáo L ném cốc nhựa và vỏ lon bia về phía H. Sau đó các bị cáo N, T, L, N1 đuổi đánh bị cáo M làm huyên náo khu vực quán bar Trung tâm thương mại BM, gây mất trật tự trị an nơi công cộng.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận Hoàng Phú N, Hoàng Phú T đồng phạm tội “Giết người” (chưa đạt) theo Điều 93 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Trung N1, Hoàng Phú L, Hoàng Ngọc M phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 245 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo N, T xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, quyền được sống của con người, hành vi của các bị cáo N1, L, M xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong

quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét tình tiết định khung hình phạt*: (Các bị cáo phạm tội trước 0h ngày 01/01/2018, nên Hội đồng xét xử phân tích các tình tiết định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ theo Bộ luật Hình sự năm 1999).

- Đối với tội “Giết người”: Trong vụ án này, người bị hại anh Hoàng Văn H đã có lỗi trước, anh H đã vô cớ đánh N, T trước. Khi N, T định sang đánh anh H thì được mọi người can ngăn và bỏ đi; anh H và M vẫn đi tìm N, T để thách thức, anh H có đánh bị cáo N1. Hành vi của người bị hại và bị cáo M là nguyên do gây kích động về tinh thần dẫn tới các bị cáo Hoàng Phú N và Hoàng Phú T phạm tội. Vì vậy, bị cáo N, T bị xét xử theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”: Các bị cáo Lê Trung N1, Hoàng Phú L, Hoàng Ngọc M không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự.

[4] *Xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự* :

- Đối với tội “Giết người”: Các bị cáo đều dùng hung khí tấn công anh H, tuy nhiên, bị cáo N có vai trò cao hơn bị cáo T: Bị cáo N là người trực tiếp gây ra thương tích vỡ xương đỉnh trái, chấn thương này nếu không được cấp cứu kịp thời có thể gây nguy hiểm đến tính mạng; bị cáo T gây nên 2 vết thương ở vùng đỉnh đầu và vùng thái dương đỉnh. Do đó, bị cáo N phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T.

- Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”: Bị cáo N1 có vai trò cao hơn bị cáo L; bị cáo N1 đập H 1 nhát và đâm đá vào người M; bị cáo L ném vỏ lon bia và cốc nhựa về phía H và ném vỏ chai rượu về phía M; cả 2 bị cáo đều có vai trò tích cực. Bị cáo M có vai trò thấp hơn bị cáo N1 và L, bị cáo M là người cùng với người bị hại H có lời nói thách thức nhóm của bị cáo N, ngoài ra, M cũng bị thương tích trong quá trình các bên đánh nhau. Do đó, bị cáo N1 và L phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo M.

Bị cáo N đã có 1 tiền án về tội “Hủy hoại tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N, N1, L, M sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo. Bị cáo N, T đã bồi thường cho người bị hại H và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo N1, L, M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo N1 có bà nội tham gia kháng chiến; bị cáo L có bố tham gia quân đội; bị cáo M đã tham gia quân đội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo N, N1, L, M; áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N, T; áp dụng

thêm điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo N1, L, M. Vì các bị cáo N1, L, M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cần áp dụng Điều 31 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N1 và bị cáo L; áp dụng Điều 30 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo M.

Bị cáo N, T phạm tội “Giết người”, hậu quả chết người chưa xảy ra nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội chưa đạt” được quy định tại Điều 18 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng thêm Điều 52 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo N đã có 1 tiền án chưa thi hành lại tiếp tục phạm tội nên cần phải áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều Bản án đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự:

- Gia đình các bị cáo N, T, N1, L đã bồi thường cho người bị hại H số tiền 80.000.000 đồng. Người bị hại tiếp tục yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần và tiền thu nhập thực tế mà người bị hại và người chăm sóc người bị hại mất trong quá trình điều trị là 70.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Theo Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

+ Số tiền 80.000.000 đồng do gia đình các bị cáo N, T, N1, L tự nguyện bồi thường cho anh H là tiền chi phí viện phí trong quá trình điều trị, các bên đã tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Đối với khoản tiền thu nhập giảm sút: Người bị hại khai làm nghề buôn bán cau, thu nhập hàng ngày bình quân từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, người bị hại không cung cấp được các tài liệu khác chứng minh thu nhập của mình, người bị hại điều trị 24 ngày; do người bị hại cũng có lỗi nên Hội đồng xét xử tính thu nhập trung bình hàng ngày của người bị hại là 100.000 đồng/ngày. Do đó, buộc bị cáo N, T phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền: 100.000 đồng x 24 ngày = 2.400.000 đồng (1).

+ Đối với khoản tiền người chăm sóc trong thời gian nằm viện: Người bị hại trình bày người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị là mẹ và vợ người bị hại. Người bị hại trình bày, mẹ và vợ cũng đều buôn bán cau thu nhập như người bị hại. Do người bị hại cũng có lỗi một phần, nên Hội đồng xét xử tính mức trung bình thu nhập của người lao động tự do để tính chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị hại là, mỗi người bị mất thu nhập là 140.000 đồng, nên buộc bị cáo N, T phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền người chăm sóc là: 2 người x 140.000 đồng x 24 ngày = 6.720.000 đồng (2).

+ Đối với bồi thường tổn thất tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ vào tỉ lệ thương tích, mức độ lỗi của người bị hại nên buộc bị cáo N và T phải liên đới bồi thường cho người bị hại H lần tháng lương cơ bản tại thời điểm xét xử, số tiền là: 5 lần x 1.300.000 = 6.500.000 đồng (3).

Do đó, các bị cáo Hoàng Phú N, Hoàng Phú T phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền $(1) + (2) + (3) = 15.620.000$ đồng. Căn cứ theo mức độ lỗi của các bị cáo, chia kỷ phần, bị cáo N phải bồi thường số tiền 9.000.000 đồng; bị cáo T phải bồi thường số tiền 6.620.000 đồng.

- Đối với hành vi đập phá làm hư hỏng tài sản quán bar BM của các bị cáo. Đại diện hợp pháp của công ty BM không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường do giá trị tài sản hư hỏng nhỏ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 khúc gỗ (chày gỗ dùng để đập đá) và 01 đoạn bình shisha: Đây là hung khí các bị cáo sử dụng để gây thương tích cho người bị hại, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Hoàng Phú N, Hoàng Phú T** đồng phạm tội "Giết người" (chưa đạt); các bị cáo **Lê Trung N1, Hoàng Phú L, Hoàng Ngọc M** đồng phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 93; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18, Điều 20, Điều 33, Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 2 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 17, Điều 38, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015) đối với các bị cáo Hoàng Phú N, Hoàng Phú T. Căn cứ thêm điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015) đối với bị cáo N.

Căn cứ khoản 1 Điều 245; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015). Căn cứ thêm Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015) đối với bị cáo N1, bị cáo L. Căn cứ thêm Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015) đối với bị cáo M.

Xử phạt:

- Hoàng Phú N: 08 (Tám) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt chưa thi hành Bản án số 76/2016/HSPT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng: Bị cáo bị xử phạt 12 tháng tù, trừ cho bị cáo 90 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 19/3/2015 đến 16/6/2015), bị cáo còn phải tiếp tục thi hành 09 (Chín) tháng tù.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là: 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 31/12/2016.

- Hoàng Phú T: 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/7/2017.

- Lê Trung N1: 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Hoàng Phú L 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của 2 bị cáo Lê Trung N1, Hoàng Phú L tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Lê Trung N1 và Hoàng Phú L cho Ủy ban nhân dân xã TN1, huyện TN, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Hoàng Ngọc M: Phạt tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999, Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự, xử:

Buộc bị cáo Hoàng Phú N và Hoàng Phú T liên đới bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H số tiền 15.620.000 (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng; chia kỉ phần cho mỗi bị cáo:

- Buộc bị cáo Hoàng Phú N phải bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng

- Buộc bị cáo Hoàng Phú T phải bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H số tiền 6.620.000 (Sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015); Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) khúc gỗ (chày gỗ dùng để đập đá); 01 (Một) đoạn bình shisa bị vỡ.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 02/11/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Phú N phải nộp 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Hoàng Phú T phải nộp 331.000 (Ba trăm ba mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm